

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22 /2016/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 20 tháng 5 năm 2016

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN: ^S
Giờ:
Ngày: 20/5/16

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ,
khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình
cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ quy định về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008;

Căn cứ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 37/2014/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 31/10/2014 của liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 30/TTr-SNN ngày 29/02/2016; Công văn số 906/SNN-TTN ngày 12/5/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức, triển khai Quyết định này; định kỳ 06 tháng và hàng năm báo cáo kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh và tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2016.//*120*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các tổ chức CT-XH của tỉnh;
- Công báo; Báo Đắk Lắk;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các phòng: NNMT, KG-VH, TH, KT;
- Lưu: VT, NNMT (Th 95b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Ngọc Nghị

QUY ĐỊNH

Về một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích đầu tư và quản lý,
khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 22 /2016/QĐ-UBND

ngày 20/5 /2016 của UBND tỉnh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích, thu hút đầu tư xây dựng các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung (bao gồm công trình xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa, nâng cấp) và quản lý, khai thác công trình phục vụ cho sinh hoạt và các mục đích khác của cộng đồng dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Đối với các vấn đề có liên quan đến chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung không quy định trong Quy định này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 37/2014/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 31/10/2014 của liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn.

Các văn bản được viện dẫn thực hiện trong Quy định này khi bị sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Các công trình cấp nước nhỏ lẻ quy mô hộ gia đình (giếng đào, giếng khoan, lu, bể chứa nước ...) không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, Hợp tác xã, Tổ hợp tác, tư nhân (sau đây gọi chung là các *đơn vị cấp nước*) tham gia các hoạt động đầu tư xây dựng, quản lý khai thác, sản xuất, kinh doanh và dịch vụ về cung cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia hoạt động đầu tư, quản lý và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nước sạch là nước có chất lượng đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về nước

sạch của Việt Nam.

2. Nước sinh hoạt là nước sạch hoặc nước có thể dùng cho ăn, uống, vệ sinh của con người.

3. Công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung là một hệ thống gồm các công trình khai thác, xử lý nước, mạng lưới đường ống cung cấp nước sạch đến nhiều hộ gia đình hoặc cụm dân cư sử dụng nước ở nông thôn và các công trình phụ trợ có liên quan; bao gồm các loại hình như: cấp nước tự chảy, cấp nước sử dụng bơm động lực.

Điều 4. Điều kiện và nguyên tắc thực hiện

1. Điều kiện thực hiện

a) Các dự án, công trình cấp nước nông thôn phải nằm trong danh mục xác định theo quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt và đảm bảo các tiêu chí về quy mô, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật theo quy định nhằm nâng cao đời sống cộng đồng dân cư.

b) Nhà đầu tư phải có phương án tổ chức sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ; có năng lực tài chính, năng lực quản lý khai thác và cam kết cung cấp dịch vụ nước sạch phục vụ người dân nông thôn trên địa bàn tỉnh theo dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Nguyên tắc thực hiện

a) Nhà nước hỗ trợ, Doanh nghiệp và các thành phần kinh tế tham gia góp vốn đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành khai thác và cung cấp nước sạch nông thôn chịu sự kiểm soát của Nhà nước; quản lý hỗ trợ, ưu đãi đầu tư theo dự án và các quy định hiện hành của pháp luật. Trong cùng một thời gian, nếu các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư công trình cấp nước nông thôn được hưởng nhiều mức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư khác nhau thì dự án được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư có lợi nhất.

b) Tài sản được hình thành từ nguồn vốn ngân sách, nguồn vốn ODA, vốn đóng góp của cộng đồng, hiến tặng, để xây dựng các công trình cấp nước nông thôn chỉ được sử dụng cho mục đích phục vụ lợi ích của cộng đồng, không được sử dụng cho các mục đích khác.

c) Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan lựa chọn chủ đầu tư, quyết định đầu tư và phê duyệt dự án trên cơ sở tham mưu của các sở, ngành chức năng theo quy định hiện hành.

d) Công tác quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước nông thôn tập trung tuân thủ theo Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung, và các quy định khác liên quan.

Điều 5. Các chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ cấp nước sạch nông thôn

1. Ưu đãi về đất đai.

2. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp.

3. Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và huy động vốn.

4. Cấp bù giá tiêu thụ nước sạch nông thôn và hỗ trợ cho đối tượng ưu tiên sử dụng nước sạch.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Ưu đãi về đất đai

1. Thực hiện theo Điều 4 Thông tư liên tịch số 37/2014/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 31/10/2014 của liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn.

2. Đất để cho thuê xây dựng công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung đã hoàn thành giải phóng mặt bằng để xây dựng. Trường hợp phải thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng thì chi phí đền bù giải phóng mặt bằng được chi từ ngân sách Nhà nước của cấp quyết định đầu tư.

3. Việc sử dụng đất được giao hoặc thuê phải đúng mục đích và các quy định của pháp luật về đất đai. Khi hết thời hạn được giao đất hoặc thuê đất, nếu công trình cấp nước sạch nông thôn bị hư hỏng không được sửa chữa, không còn nhu cầu sử dụng thì phải thực hiện việc thanh lý và hoàn trả lại đất được thuê cho Nhà nước theo quy định. Trường hợp công trình còn hoạt động thì tiến hành thực hiện thủ tục xin thuê tiếp.

4. Trường hợp sử dụng đất không đúng mục đích, Nhà nước sẽ thu hồi theo quy định của pháp luật; đồng thời, chủ dự án phải nộp ngân sách Nhà nước toàn bộ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được miễn đối với thời gian sử dụng không đúng mục đích.

Điều 7. Ưu đãi về thuế

Các đơn vị cấp nước có thu nhập từ hoạt động quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn và đáp ứng đủ điều kiện được hưởng ưu đãi theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và thuộc đối tượng điều chỉnh của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường thì được áp dụng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Điều 8 của Nghị định này và các văn bản có liên quan.

Điều 8. Hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước

1. Các dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt được ngân sách Nhà nước (ngân sách của tỉnh và ngân sách Trung ương, viện trợ quốc tế cấp cho tỉnh gọi chung là ngân sách tỉnh) hỗ trợ theo các mức sau:

a) Không quá 90% tổng dự toán công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc và miền núi, xã biên giới theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

b) Không quá 75% tổng dự toán công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các vùng nông thôn khác.

c) Không quá 45% tổng dự toán công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với vùng thị trấn, thị tứ.

d) Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung mà cấp nước cho người dân tại hai hoặc ba vùng theo quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này thì Trạm cấp nước nằm trên vùng nào áp dụng mức hỗ trợ theo vùng đó.

2. Công khai dự án đầu tư xây dựng được hỗ trợ theo thứ tự ưu tiên trên phương tiện thông tin đại chúng trong vòng 30 ngày.

3. Phần kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước cho đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh không thuộc địa bàn kinh tế xã hội khó khăn, có khả năng tính đúng, tính đủ chi phí thì phải hoàn trả ngân sách bằng khấu hao cơ bản tài sản cố định. Việc xác định khấu hao phải theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 4/5/2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung.

4. Nguồn kinh phí để hỗ trợ cho các dự án quy định tại Khoản 1 Điều này được bố trí từ ngân sách Nhà nước của cấp quyết định đầu tư, tùy thuộc vào điều kiện ngân sách.

Điều 9. Huy động vốn

1. Các đơn vị cấp nước thực hiện đầu tư xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các công trình cấp nước nông thôn được hưởng các ưu đãi huy động vốn theo hướng dẫn tại Điều 7, Thông tư liên tịch số 37/2014/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT.

2. Nguồn vốn Nhà nước hỗ trợ theo quy định tại Điều 8 Quy định này, phần vốn còn lại do Doanh nghiệp và các thành phần kinh tế (vốn tư nhân, đóng góp của nhân dân và huy động các nguồn vốn trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật) đảm bảo để đầu tư xây dựng công trình. Đối với các địa phương có khả năng tự cân đối ngân sách, các vùng có khả năng xã hội hóa cần thu hút tối đa sự tham gia của cộng đồng và khu vực tư nhân.

Điều 10. Cấp bù giá tiêu thụ nước sạch nông thôn và hỗ trợ cho đối tượng ưu tiên sử dụng nước sạch

Thực hiện theo Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 08/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về cấp bù, hỗ trợ kinh phí hàng năm cho các tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Thực hiện theo Điều 13, Thông tư liên tịch số 37/2014/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT và Khoản 1, Điều 8 Quy định về cấp bù, hỗ trợ kinh phí hàng năm cho các tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình cấp nước

sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk được ban hành tại Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 08/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Chủ trì hướng dẫn các đơn vị cấp nước nông thôn trên địa bàn tỉnh lập phương án giá nước sạch theo quy định và phối hợp với Sở Tài chính xem xét, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

c) Là cơ quan đầu mối phối hợp với các Sở, ngành có liên quan hướng dẫn các đơn vị cấp nước nông thôn trên địa bàn tỉnh thực hiện các chính sách ưu đãi của tỉnh cho cấp nước nông thôn.

2. Sở Tài chính

a) Thực hiện theo Điều 14, Thông tư liên tịch số 37/2014/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT và Khoản 2, Điều 8 Quy định về cấp bù, hỗ trợ kinh phí hàng năm cho các tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk được ban hành tại Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 08/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, chính quyền địa phương liên quan đánh giá, xác định giá trị tài sản còn lại của các công trình cấp nước sạch nông thôn khi chuyển đổi để bàn giao cho đơn vị cấp nước mới. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, các chủ đầu tư thực hiện công tác quyết toán vốn đầu tư, thủ tục thanh lý, bàn giao tài sản và quy trình thu hồi phần vốn nhà nước đã đầu tư vào công trình cấp nước nông thôn khi bàn giao cho các tổ chức, cá nhân tiếp nhận quản lý và đầu tư.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện theo Điều 15, Thông tư liên tịch số 37/2014/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 31/10/2014 của liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết kịp thời việc giao đất, cho thuê đất đối với các dự án cấp nước sạch nông thôn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các địa phương dành quỹ đất cho xây dựng công trình cấp nước sạch nông thôn theo quy hoạch được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ban, ngành có liên quan hướng dẫn các đơn vị cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh thực hiện chính sách ưu đãi về đất đai quy định tại Điều 6 của Quy định này.

c) Hướng dẫn các đơn vị cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh lập hồ sơ xin cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của Luật Tài nguyên nước.

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cấp phép thăm dò, khai thác cho các đơn vị cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh.

đ) Tổ chức quan trắc, theo dõi chất lượng nước đầu vào để quản lý chặt chẽ nguồn tài nguyên nước mặt, nước ngầm trên địa bàn tỉnh, ngăn chặn các tổ chức, cá nhân có hành vi xả thải làm ô nhiễm nguồn nước mặt, nước ngầm.

e) Tổ chức giám sát, kiểm tra thường xuyên chất lượng nước đầu vào theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Thường xuyên cung cấp thông tin cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế về tình hình ô nhiễm nguồn nước mặt, nước ngầm và các tác động ảnh hưởng đến nguồn nước.

5. Cục Thuế tỉnh

Chịu trách nhiệm hướng dẫn thủ tục về thuế và chính sách ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp cho đơn vị cấp nước sạch nông thôn theo quy định hiện hành của pháp luật.

6. Ban Dân tộc tỉnh

Chịu trách nhiệm hướng dẫn đơn vị cấp nước nông thôn và các tổ chức, cá nhân có liên quan việc xác định các xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc và miền núi, xã biên giới trên địa bàn tỉnh theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng - Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc để áp dụng chính sách hỗ trợ theo Quy định này.

7. Các sở, ban, ngành có liên quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao chủ động triển khai thực hiện Quy định này.

Điều 12. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, UBND cấp xã

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Thực hiện theo Điều 9 Quy định về cấp bù, hỗ trợ kinh phí hàng năm cho các tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Đắc Lắc được ban hành tại Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 08/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Phối hợp với các cơ quan, ban, ngành có liên quan đồng thời chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc giao đất, cho thuê đất, đền bù giải phóng mặt bằng cho chủ đầu tư thực hiện dự án về nước sạch nông thôn.

c) Tổ chức thực hiện việc lập quy hoạch, dành quỹ đất cho xây dựng công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn quản lý.

d) Phối hợp với các sở, ngành có liên quan xác định giá trị tài sản còn lại của công trình cấp nước sạch nông thôn do địa phương làm chủ đầu tư và quản lý khai thác khi thực hiện việc chuyển đổi để bàn giao cho đơn vị cấp nước mới quản lý vận hành, khai thác công trình.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Thực hiện theo Điều 9 Quy định về cấp bù, hỗ trợ kinh phí hàng năm cho các tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Đắc Lắc được ban hành tại Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 08/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Thực hiện các biện pháp bảo đảm trật tự an toàn xã hội và tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị cấp nước trong suốt quá trình đầu tư, quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn.

c) Phối hợp với các sở, ngành có liên quan xác định giá trị tài sản còn lại của công trình cấp nước sạch nông thôn do địa phương làm chủ đầu tư và quản lý khai thác khi thực hiện việc chuyển đổi để bàn giao cho đơn vị cấp nước mới quản lý vận hành, khai thác công trình.

Điều 13. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, quản lý, khai thác, sử dụng nước từ công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung

Thực hiện theo Điều 16, Thông tư liên tịch số 37/2014/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT và Điều 10 Quy định về cấp bù, hỗ trợ kinh phí hàng năm cho các tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk được ban hành tại Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 08/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Ngọc Nghị

